



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**TỪ NGÀY 03 THÁNG 10 NĂM 2018
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 14 - 30 |
| 8. Phụ lục 01 | 31 |



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601604590, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : 02963.844.848
- Fax : 02963.959.552

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quét rác đường phố, vỉa hè;
- Dịch vụ quản lý khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải;
- Rút hầm cầu, hầm lửng;
- Dịch vụ cung cấp vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân;
- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn, chất thải y tế;
- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải;
- Đầu tư xây dựng hoa viên nghỉ trang và các dự án khác;
- Thi công xây dựng công trình nông thôn, công nông thôn, công cộng;
- Xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp;
- Tái chế phế liệu;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Mua bán cây xanh, hoa kiểng các loại;
- Sản xuất gạch lót vỉa hè;
- Sản xuất xe rác kéo tay;
- Sản xuất thùng rác;
- Mua bán gạch lót vỉa hè;
- Sản xuất và thi công khung thép, các cấu kiện thép của công trình hạ tầng, công nghiệp, dân dụng, khung tiền chế, cửa các loại và các cấu kiện thép khác;
- Thi công trang trí nội thất, ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lắp đặt, thi công điện dân dụng, công nghiệp, chiếu sáng công cộng, hạ tầng hạ thế;
- Sửa chữa và cải tạo xe ô tô, xe chuyên dụng và các loại xe thô sơ khác;
- Thiết kế làm mới thùng, khung xe chuyên dụng và ô tô các loại;
- Sản xuất xe rác kéo tay, khung xe các loại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại;
- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp;
- Dịch vụ quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố;
- Dịch vụ quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng;
- Dịch vụ duy tu, sửa chữa các công trình thoát nước vỉa hè, cầu đường, sơn vạch kẻ đường;
- Mua bán phế liệu (ngoại trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường);

1004
CỔ PHẦN
KIỂM SOÁT
CÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Mua bán thùng rác và xe rác kéo tay;
- Trồng cây cảnh lâu năm và các cây lâu năm khác;
- Trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh các loại;
- Trồng hoa hàng năm;
- Trồng và cắt tỉa tạo hình hoa kiểng các loại;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Sơn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018 |
| Ông Đặng Anh Dũng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018 |
| Ông Đỗ Văn Lạc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018 |
| Ông Trần Hữu Bình | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018 |
| Ông Trần Minh Tâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------------|------------|-----------------------------------|
| Bà Trần Thị Thanh Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018 |
| Bà Nguyễn Kim Hiên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018 |
| Ông Trần Đình Thư | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Trần Minh Tâm | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2018 |
| Ông Đặng Anh Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2018 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|----------------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Sơn | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018 |
| Ông Trần Minh Tâm | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2018 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Ngọc Sơn

Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Số: 4.0138/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

Nguyễn Ngọc Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2616-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 120.774.055.722 | 128.332.808.559 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 56.375.209.490 | 61.860.469.808 |
| 1. Tiền | 111 | | 6.375.209.490 | 6.860.469.808 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 50.000.000.000 | 55.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 400.000.000 | 400.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 400.000.000 | 400.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 49.748.246.921 | 55.013.868.069 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 48.429.356.975 | 51.262.574.419 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 2.530.102.769 | 2.264.030.269 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 399.992.552 | 1.487.263.381 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.611.205.375) | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 14.141.700.260 | 11.050.380.682 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 14.141.700.260 | 11.050.380.682 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 108.899.051 | 8.090.000 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 108.899.051 | 8.090.000 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 142.918.722.051 | 137.556.618.839 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 94.434.300 | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 94.434.300 | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 114.344.037.087 | 115.316.952.346 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 102.513.973.468 | 103.483.038.728 |
| - Nguyên giá | 222 | | 155.678.491.483 | 152.745.895.482 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (53.164.518.015) | (49.262.856.754) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 11.830.063.619 | 11.833.913.618 |
| - Nguyên giá | 228 | | 11.904.563.609 | 11.904.563.609 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (74.499.990) | (70.649.991) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 11.904.337.149 | 6.802.200.632 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 11.904.337.149 | 6.802.200.632 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 16.575.913.515 | 15.437.465.861 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 16.575.913.515 | 15.437.465.861 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 263.692.777.773 | 265.889.427.398 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 61.638.510.020 | 66.959.427.398 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 61.638.510.020 | 66.959.427.398 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12a | 1.700.407.830 | 1.354.614.270 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 943.698 | 1.297.894.415 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 4.907.671.654 | 2.962.416.585 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.15 | 19.813.117.140 | 23.270.190.052 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16 | 26.267.662 | 54.080.780 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 30.050.638.312 | 32.400.352.572 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 5.139.463.724 | 5.619.878.724 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 202.054.267.753 | 198.930.000.000 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 202.054.267.753 | 198.930.000.000 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.19a | 198.930.000.000 | 198.930.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 198.930.000.000 | 198.930.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.19a | 3.124.267.753 | - |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 3.124.267.753 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 263.692.777.773 | 265.889.427.398 |

An Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2019


 Trần Thị Thúy
 Người lập


 Võ Thị Ngọc Bích
 Kế toán trưởng


 Trần Minh Tâm
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018 | Từ 01/01/2018 đến 02/10/2018 |
|--|-------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 46.960.637.878 | 125.804.061.177 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 453.816.898 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 46.960.637.878 | 125.350.244.279 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 38.311.683.474 | 105.719.237.693 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 8.648.954.404 | 19.631.006.586 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 817.698.081 | 1.536.370.117 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 5.427.128.100 | 9.729.307.657 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 4.039.524.385 | 11.438.069.046 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | 46.871.767 | 132.837.656 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 72.132.637 | 170.461.014 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (25.260.870) | (37.623.358) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 4.014.263.515 | 11.400.445.688 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 889.995.762 | 1.572.374.911 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>3.124.267.753</u> | <u>9.828.070.777</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7a | <u>157</u> | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7a | <u>157</u> | - |


Trần Thị Thúy
Người lập

Võ Thị Ngọc Bích
Kế toán trưởngTrần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018 | Từ 01/01/2018 đến 02/10/2018 |
|--|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 4.014.263.515 | 11.400.445.688 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10 | 3.905.511.260 | 9.812.921.413 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | 1.611.205.375 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (813.300.461) | (1.457.295.526) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 8.717.679.689 | 19.756.071.575 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 3.694.131.063 | (17.083.732.131) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (3.091.319.578) | (10.653.828.420) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (5.730.498.140) | 16.910.129.930 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.562.329.333 | (10.978.712.881) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.18 | (480.415.000) | (8.120.779.504) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 4.671.907.367 | (10.170.851.431) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.10 | (10.836.318.556) | (9.329.367.414) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (400.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.3, V.5a | 679.150.871 | 1.457.295.526 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (10.157.167.685) | (8.272.071.888) |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018 | Từ 01/01/2018 đến 02/10/2018 |
|--|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (5.485.260.318) | (18.442.923.319) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | V.1 | 61.860.469.808 | 80.303.393.127 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 56.375.209.490 | 61.860.469.808 |

An Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2019

Trần Thị Thúy
Người lập

Võ Thị Ngọc Bích
Kế toán trưởng



Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, thu gom rác thải, xử lý nước thải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tri Tôn | Số 01, Nguyễn Huệ, khóm 4, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang |
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị Phú Tân | Số 109, ấp Thượng 2, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang |
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc | Số 269, Hoàng Diệu, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang |
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tân Châu | Số 21, Lê Thị Riêng, khóm Long Thạnh C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang |
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Thành | Ấp Bình Phú 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang |
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị Thoại Sơn | Đường Nguyễn Huệ, ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang |
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị An Phú | Số 2729, tổ 30, ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang |
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tịnh Biên | Khóm Hòa Hưng, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang |
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị Chợ Mới | Đường Tỉnh lộ 942, ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang |
| Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Phú | Số 044, Hai Bà Trưng, ấp Bình Hòa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng kỳ trước không so sánh được với số liệu của kỳ này do Công ty chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần từ ngày 03 tháng 10 năm 2018. Do đó số liệu kỳ này là số liệu từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và số liệu kỳ trước là số liệu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 02 tháng 10 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 680 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 678 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần là bắt đầu từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí xây dựng hồ chôn lấp rác

Hồ chôn lấp rác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 10 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 |
| Tài sản cố định khác | 06 - 13 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>31/12/2018</u> | <u>03/10/2018</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 633.356.669 | 561.874.623 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 5.741.852.821 | 6.298.595.185 |
| Các khoản tương đương tiền | 50.000.000.000 | 55.000.000.000 |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng | <u>50.000.000.000</u> | <u>55.000.000.000</u> |
| Cộng | <u>56.375.209.490</u> | <u>61.860.469.808</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2018 | | 03/10/2018 | |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾ | 400.000.000 | 400.000.000 | 400.000.000 | 400.000.000 |
| Cộng | <u>400.000.000</u> | <u>400.000.000</u> | <u>400.000.000</u> | <u>400.000.000</u> |

⁽ⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn 07 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>31/12/2018</u> | <u>03/10/2018</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | | |
| Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc | 18.945.453.410 | 20.191.789.837 |
| Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên | 14.024.000.000 | 15.622.136.322 |
| Các khách hàng khác | <u>15.459.903.565</u> | <u>15.448.648.260</u> |
| Cộng | <u>48.429.356.975</u> | <u>51.262.574.419</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>31/12/2018</u> | <u>03/10/2018</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | | |
| Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ Môi | 299.295.000 | 299.295.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>31/12/2018</u> | <u>03/10/2018</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| trường Không Gian Xanh | | |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đại Thành Phát | - | 964.690.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Sản xuất Hoàng Hà | - | 161.700.000 |
| Công ty TNHH Đào tạo và Chuyển giao Công nghệ Môi trường VINTECH | 649.621.500 | - |
| Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang | 327.812.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.253.374.269 | 838.345.269 |
| Cộng | <u>2.530.102.769</u> | <u>2.264.030.269</u> |

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>31/12/2018</u> | | <u>03/10/2018</u> | |
|---|---------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | |
| Tạm ứng | 59.000.000 | - | 67.668.000 | - |
| Các khoản ký cược, ký quỹ | 47.000.000 | - | 47.000.000 | - |
| Các khoản chi hộ | 159.842.962 | - | 1.342.630.999 | - |
| Lãi tiền gửi phải thu | 134.149.590 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | - | - | 29.964.382 | - |
| Cộng | <u>399.992.552</u> | <u>-</u> | <u>1.487.263.381</u> | <u>-</u> |

5b. Phải thu dài hạn khác

| | <u>31/12/2018</u> | | <u>03/10/2018</u> | |
|------------------|--------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Các khoản ký quỹ | 94.434.300 | - | - | - |
| Cộng | <u>94.434.300</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |

6. Nợ xấu

| | | <u>31/12/2018</u> | | <u>03/10/2018</u> | |
|--|-------------|-----------------------------|-----------------|-------------------|------------------------|
| | | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | | |
| Phòng tài chính kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền bán hàng | Trên 03 năm | 1.216.560.329 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | Trên 03 năm | 394.645.046 | - | - | - |
| Cộng | | <u>1.611.205.375</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018 |
|----------------------------|---|
| Số dư 03/10/2018 | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.611.205.375 |
| Số dư 31/12/2018 | 1.611.205.375 |

7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2018 | | 03/10/2018 | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 484.062.922 | - | 286.449.137 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 11.838.327 | - | 45.417.800 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 13.629.446.127 | - | 10.702.160.861 | - |
| Thành phẩm | 16.352.884 | - | 16.352.884 | - |
| Cộng | 14.141.700.260 | - | 11.050.380.682 | - |

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|--------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 104.854.050 | - |
| Chi phí thuê giữ đất | 4.045.001 | 8.090.000 |
| Cộng | 108.899.051 | 8.090.000 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1.520.655.812 | 932.426.284 |
| Giá trị lợi thế kinh doanh | 3.076.866.222 | 3.356.581.332 |
| Chi phí xây dựng hồ chôn lấp rác | 11.793.827.230 | 10.931.996.777 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 184.564.251 | 216.461.468 |
| Cộng | 16.575.913.515 | 15.437.465.861 |

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư 03/10/2018 | 11.791.563.609 | 113.000.000 | 11.904.563.609 |
| Số dư 31/12/2018 | 11.791.563.609 | 113.000.000 | 11.904.563.609 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 36.000.000 | 36.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số dư 03/10/2018 | - | 70.649.991 | 70.649.991 |
| Khấu hao trong năm | - | 3.849.999 | 3.849.999 |
| Số dư 31/12/2018 | - | 74.499.990 | 74.499.990 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư 03/10/2018 | 11.791.563.609 | 42.350.009 | 11.833.913.618 |
| Số dư 31/12/2018 | 11.791.563.609 | 38.500.010 | 11.830.063.619 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 03/10/2018 | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | 31/12/2018 |
|--|----------------------|-------------------------------|------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 6.802.200.632 | 9.142.791.413 | (1.374.505.094) | (2.666.149.802) | 11.904.337.149 |
| - Công trình nhà máy xử lý chất thải nguy hại | 56.363.637 | - | - | (56.363.637) | - |
| - Công trình nhà máy xử lý chất thải rắn Thoại Sơn | 4.974.140.000 | 3.833.352.728 | - | - | 8.807.492.728 |
| - Các công trình khác | 1.771.696.995 | 5.309.438.685 | (1.374.505.094) | (2.609.786.165) | 3.096.844.421 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 135.436.236 | - | (135.436.236) | - |
| Cộng | 6.802.200.632 | 9.278.227.649 | (1.374.505.094) | (2.801.586.038) | 11.904.337.149 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả các nhà cung cấp khác | | |
| Công ty TNHH Thanh Bình Nhật Nam | 410.000.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng và Tư vấn Môi trường Viên Bách | 350.000.000 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngọc Linh | - | 142.343.850 |
| Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn | 464.259.000 | 464.259.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 476.148.830 | 748.011.420 |
| Cộng | 1.700.407.830 | 1.354.614.270 |

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|--|------------|---------------|
| Trả trước của các khách hàng khác | | |
| Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Tân Châu | - | 1.292.935.717 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>31/12/2018</u> | <u>03/10/2018</u> |
|---------------------|-----------------------|-----------------------------|
| Các khách hàng khác | 943.698 | 4.958.698 |
| Cộng | <u>943.698</u> | <u>1.297.894.415</u> |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>03/10/2018</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã thực nộp trong kỳ</u> | <u>31/12/2018</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.709.936.631 | 4.526.948.446 | (3.611.330.503) | 2.625.554.574 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.205.348.955 | 889.995.762 | - | 2.095.344.717 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 47.130.999 | 139.641.364 | - | 186.772.363 |
| Tiền thuế đất | - | 77.368.284 | (77.368.284) | - |
| Cộng | <u>2.962.416.585</u> | <u>5.633.953.856</u> | <u>(3.688.698.787)</u> | <u>4.907.671.654</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Vận chuyển, thu gom, xử lý rác thải, rút hầm cầu, thi công đường công thoát nước 10%
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Không chịu thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%.

Thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy xử lý chất thải nguy hại Long Xuyên theo Giấy chứng nhận đầu tư số 521041000534 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động xử lý chất thải nguy hại với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 04 Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | <u>Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018</u> |
|--|-------------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 4.014.263.515 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.681.399.012 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - |
| Thu nhập chịu thuế | 5.695.662.527 |
| Thu nhập được miễn thuế | - |
| Thu nhập tính thuế | 5.695.662.527 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018 |
|--|---|
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | <u>1.139.132.505</u> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i> | <u>(233.851.420)</u> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i> | <u>(15.285.323)</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>889.995.762</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng với mức phí thuê theo quy định trong hợp đồng thuê đất.

15. Phải trả người lao động

| | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|---------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền lương phải trả | <u>19.813.117.140</u> | <u>23.270.190.052</u> |
| Cộng | <u>19.813.117.140</u> | <u>23.270.190.052</u> |

Lương bổ sung năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i> | | |
| Tiền cho thuê đất nhận trước | <u>26.267.662</u> | <u>54.080.780</u> |
| Cộng | <u>26.267.662</u> | <u>54.080.780</u> |

17. Phải trả ngắn hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | 31/12/2018 | 03/10/2018 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 395.069.000 | 395.069.000 |
| Kinh phí công đoàn | 14.771.226 | 3.621.525 |
| Bảo hiểm xã hội | 147.950.491 | - |
| Bảo hiểm y tế | 26.108.909 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 11.603.960 | - |
| Tiền, hiện vật thu hộ của xí nghiệp Thoại Sơn | 21.572.000 | 21.572.000 |
| Tiền bảo hành công trình phải trả cho nhà cung cấp | 2.504.769.000 | 2.504.769.000 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 26.928.793.726 | 26.928.793.726 |
| Thuế GTGT phải nộp của dịch vụ đã hoàn thành | - | 2.489.239.753 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | - | 57.287.568 |
| Cộng | <u>30.050.638.312</u> | <u>32.400.352.572</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>03/10/2018</u> | <u>Thu lại tiền khen thưởng</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>31/12/2018</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 4.808.945.613 | - | - | 4.808.945.613 |
| Quỹ phúc lợi | 681.760.611 | - | (500.575.000) | 181.185.611 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 129.172.500 | 20.160.000 | - | 149.332.500 |
| Cộng | <u>5.619.878.724</u> | <u>20.160.000</u> | <u>(500.575.000)</u> | <u>5.139.463.724</u> |

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Lợi nhuận chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| 03/10/2018 | 198.930.000.000 | - | 198.930.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | 3.124.267.753 | 3.124.267.753 |
| 31/12/2018 | <u>198.930.000.000</u> | <u>3.124.267.753</u> | <u>202.054.267.753</u> |

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>31/12/2018</u> | <u>03/10/2018</u> |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang | 194.718.000.000 | 194.718.000.000 |
| Các cổ đông khác | 4.212.000.000 | 4.212.000.000 |
| Cộng | <u>198.930.000.000</u> | <u>198.930.000.000</u> |

19c. Cổ phiếu

| | <u>31/12/2018</u> | <u>03/10/2018</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 19.893.000 | 19.893.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 19.893.000 | 19.893.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 19.893.000 | 19.893.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 19.893.000 | 19.893.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 19.893.000 | 19.893.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu của dịch vụ đã cung cấp.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018 | Từ 01/01/2018 đến 02/10/2018 |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 813.300.461 | 1.457.295.526 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 4.397.620 | 79.074.591 |
| Cộng | 817.698.081 | 1.536.370.117 |

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018 | Từ 01/01/2018 đến 02/10/2018 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 2.952.612.010 | 7.595.448.110 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 112.448.392 | 129.682.925 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 92.411.088 | 296.328.061 |
| Thuế, phí và lệ phí | 8.491.000 | 161.512.872 |
| Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi | 1.611.205.375 | (131.099.103) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 171.303.141 | 622.959.970 |
| Các chi phí khác | 478.657.094 | 1.054.474.822 |
| Cộng | 5.427.128.100 | 9.729.307.657 |

5. Thu nhập khác

| | Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018 | Từ 01/01/2018 đến 02/10/2018 |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Thu bán hồ sơ mời thầu | 12.727.274 | 14.545.456 |
| Thu cho thuê đất | 26.267.663 | 78.802.988 |
| Thu tiền điện cho thuê lại | 7.876.830 | 27.042.720 |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng | - | 11.440.000 |
| Thu nhập khác | - | 1.006.492 |
| Cộng | 46.871.767 | 132.837.656 |

6. Chi phí khác

| | Từ 03/10/2018 đến 31/12/2018 | Từ 01/01/2018 đến 02/10/2018 |
|------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi thuê giữ đất | - | 6.935.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Từ 03/10/2018</u> <u>đến 31/12/2018</u> | <u>Từ 01/01/2018</u> <u>đến 02/10/2018</u> |
|--|---|---|
| Phạt vi phạm hành chính về hóa đơn | 6.000.000 | - |
| Giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang thanh lý do không thực hiện | 56.363.637 | - |
| Chi phí bồi thường các hộ dân | 7.500.000 | 16.000.000 |
| Chi phí mở thầu | 2.239.000 | 10.017.000 |
| Chi phí tư vấn thẩm định dự án | - | 127.911.818 |
| Chi phí khác | 30.000 | 9.597.196 |
| Cộng | <u>72.132.637</u> | <u>170.461.014</u> |

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Từ 03/10/2018</u> <u>đến 31/12/2018</u> |
|--|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.124.267.753 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - |
| Trích thường Ban điều hành, quản lý | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | <u>3.124.267.753</u> |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 3.124.267.753 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | <u>19.893.000</u> |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>157</u> |

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Từ 03/10/2018</u> <u>đến 31/12/2018</u> | <u>Từ 01/01/2018</u> <u>đến 02/10/2018</u> |
|----------------------------------|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 6.163.106.112 | 16.594.552.117 |
| Chi phí nhân công | 29.276.558.703 | 75.561.439.669 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.905.511.260 | 9.812.921.413 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.035.655.524 | 11.135.928.925 |
| Chi phí khác | 3.083.255.565 | 4.208.410.912 |
| Cộng | <u>47.464.087.164</u> | <u>117.313.253.036</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | |
|--------------------|-----------------------|
| | Từ 03/10/2018 |
| | đến 31/12/2018 |
| Tiền lương, thưởng | 1.293.432.637 |
| Cộng | 1.293.432.637 |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, thu gom rác thải, xử lý nước thải.

2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

An Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2019



Trần Thị Thúy
Người lập



Võ Thị Ngọc Bích
Kế toán trưởng





Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Tài sản cố định khác</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư 03/10/2018 | 39.462.179.415 | 574.985.911 | 112.431.016.338 | 48.181.818 | 229.532.000 | 152.745.895.482 |
| Mua trong kỳ | - | 35.454.545 | 1.522.636.362 | - | - | 1.558.090.907 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 1.007.256.913 | 367.248.181 | - | - | - | 1.374.505.094 |
| Số dư 31/12/2018 | 40.469.436.328 | 977.688.637 | 113.953.652.700 | 48.181.818 | 229.532.000 | 155.678.491.483 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số dư 03/10/2018 | 11.370.827.015 | 196.100.790 | 37.547.476.715 | 7.633.263 | 140.818.971 | 49.262.856.754 |
| Khấu hao trong kỳ | 651.566.692 | 35.598.749 | 3.210.423.269 | 2.409.090 | 1.663.461 | 3.901.661.261 |
| Số dư 31/12/2018 | 12.022.393.707 | 231.699.539 | 40.757.899.984 | 10.042.353 | 142.482.432 | 53.164.518.015 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư 03/10/2018 | 28.091.352.400 | 378.885.121 | 74.883.539.623 | 40.548.555 | 88.713.029 | 103.483.038.728 |
| Số dư 31/12/2018 | 28.447.042.621 | 745.989.098 | 73.195.752.716 | 38.139.465 | 87.049.568 | 102.513.973.468 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |


 Trần Thị Thúy
 Người lập


 Võ Thị Ngọc Bích
 Kế toán trưởng

An Giang, ngày 16 tháng 1 năm 2019


 Trần Minh Tâm
 Tổng Giám đốc